

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KIỂM TOÁN

TP. Hồ Chí Minh, tháng 01/2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số ngày/...../.....
của Hiệu trưởng trường đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh)

Tên chương trình : KIỂM TOÁN
Trình độ đào tạo : ĐẠI HỌC
Ngành đào tạo : KIỂM TOÁN
Mã ngành : 7340302
Loại hình đào tạo : CHÍNH QUY

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Thị Xuân Lan

1. Mô tả chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Kiểm toán được áp dụng tại khoa Kinh tế – Tài chính, Trường Đại Học Ngoại Ngữ - Tin Học Thành Phố Hồ Chí Minh từ năm 2022, với mục tiêu đào tạo ra các cử nhân ngành kiểm toán có đầy đủ kiến thức, kỹ năng để làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp, các định chế tài chính và các tổ chức kinh tế - xã hội khác.

Chương trình đào tạo kiểm toán được thiết kế để trang bị cho người học hiểu biết rộng về lĩnh vực kinh tế - xã hội; có chuyên môn sâu về kiểm toán, kiểm soát và kế toán; có đạo đức nghề nghiệp và có đầy đủ các kỹ năng để đáp ứng các yêu cầu công việc trong lĩnh vực kiểm toán, kiểm soát nội bộ; có khả năng thích nghi để phát triển trong điều kiện thay đổi ngày càng nhanh của kỷ nguyên số và toàn cầu hóa.

CTĐT ngành kiểm toán được quản lý bởi Bộ môn Kế toán, thuộc khoa Kinh tế - Tài chính, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP HCM. Đội ngũ giảng viên có chuyên môn tốt, phần lớn được đào tạo từ nhiều trường đại học danh tiếng từ các nước khác nhau như: Anh, Úc, Hoa Kỳ...; cơ sở vật chất không ngừng được nâng cấp để phục vụ ngày càng tốt hơn cho việc giảng dạy và nghiên cứu.

CTĐT gồm 137 tín chỉ, thời gian học tập từ 3,5 năm - 6 năm tùy theo điều kiện của sinh viên. Chương trình có sự tham gia đào tạo của Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA), sinh viên sẽ được cấp chứng chỉ “Kiểm toán thực hành cơ bản” theo chương trình kiểm toán báo cáo tài chính mẫu (được Bộ Tài chính và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước sử dụng làm cơ sở thực hiện công tác kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán độc lập) ngay trong thời gian học.

1.2. Thông tin chung

Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Kiểm toán được thể hiện trong Bảng 1.2.

Bảng 1.2. Thông tin chung về CTĐT ngành kế toán

STT	Mục thông tin	Giải thích
1	Tên gọi của ngành	Kiểm toán
2	Bậc	Đại học
3	Loại bằng	Cử nhân

4	Loại hình đào tạo	Toàn thời gian
5	Thời gian	3,5 năm
6	Số tín chỉ	137
7	Khoa quản lý	Kinh tế - Tài chính
8	Ngôn ngữ	Tiếng Việt & Tiếng Anh
9	Website	www.huflit.edu.vn
10	Facebook	Khoa Kinh tế-Tài chính trường HUFLIT
11	Ban hành	Tháng 02 năm 2022

1.3. Sứ mạng – Tầm nhìn của trường

Sứ mạng

HUFLIT đào tạo những người có khả năng học tập suốt đời để trở thành công dân toàn cầu, thích nghi và đóng góp tích cực cho xã hội, có ý thức phát triển bản thân, đặc biệt là ngoại ngữ và tin học, thông qua các trải nghiệm thực tế.

Tầm nhìn

HUFLIT hướng đến phụng sự xã hội bằng những con người năng động, sáng tạo, có tâm và tầm; biết yêu thương, trân trọng cuộc sống; có khả năng làm mới chính mình; đạt được hạnh phúc và tự do bằng trí tuệ và đạo đức.

1.4 Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa

Sứ mạng

Bồi dưỡng tri thức, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp, xây dựng ý thức học tập và nghiên cứu suốt đời cho sinh viên trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; trở thành một trong những khoa phát triển bền vững, góp phần nâng cao vị thế học hiệu của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học thành phố Hồ Chí Minh.

Tầm nhìn

Đến năm 2030, Khoa Kinh tế- Tài chính sẽ trở thành nơi đào tạo nhân lực trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán với chất lượng thuộc nhóm 20 trường đại học hàng đầu của Việt Nam, với kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu, sử dụng tiếng Anh thành thạo và ứng dụng công nghệ thông tin tối ưu trong công việc.

1.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

1.5.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kiểm toán có kiến thức tổng hợp về kinh tế - xã hội, kiến thức chuyên sâu về kiểm toán, phẩm chất đạo đức tốt, năng động và thích ứng với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, kiểm soát nội bộ.

1.5.2. Mục tiêu cụ thể:

Đào tạo Cử nhân ngành Kiểm toán có các phẩm chất và năng lực sau đây:

Về kiến thức:

- Có kiến thức tổng hợp về kinh tế, xã hội, quản lý (PO1)
- Có kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán (PO2)

Về kỹ năng:

- Vận dụng được các kiến thức pháp luật, kinh tế và chuyên môn để xử lý nghiệp vụ trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, thuế, kiểm soát nội bộ... (PO3)
- Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn, kỹ năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành, kỹ năng làm việc nhóm ... (PO4)

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân:

- Tuân thủ pháp luật, giải quyết vấn đề một cách khoa học trong quá trình thực thi nhiệm vụ chuyên môn, hình thành được tác phong làm việc chuyên nghiệp (PO5);
- Có khả năng học tập suốt đời, ý thức tự phát triển bản thân để thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc và thực hiện trách nhiệm đối với xã hội (PO6).

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

1.6.1. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành CTĐT ngành Kiểm toán người học sẽ đạt các chuẩn đầu ra (CĐR) thể hiện trong Bảng 1.6.1

Bảng 1.6.1. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Kiểm toán

PLO	CHUẨN ĐẦU RA
PLO1	Vận dụng được kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý và pháp luật trong hoạt động chuyên môn

PLO2	Thực hiện các nghiệp vụ hạch toán kế toán, thuế, tổ chức hệ thống thông tin kế toán, phân tích và đánh giá tài chính doanh nghiệp
PLO3	Áp dụng được các phương pháp tổng hợp, đánh giá bằng chứng kiểm toán và đưa ra báo cáo kiểm toán
PLO4	Tổ chức thực hiện công tác kiểm toán trong đơn vị; sắp xếp, lưu trữ hồ sơ kiểm toán một cách khoa học
PLO5	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân
PLO6	Phát triển kỹ năng giao tiếp và hợp tác tốt trong tổ chức; phát triển kỹ năng phản biện, phê phán và xử lý tình huống
PLO7	Sử dụng ngoại ngữ thành thạo trong chuyên môn kế toán, kiểm toán; đạt trình độ ngoại ngữ tương đương B1 khung 6 bậc Châu Âu
PLO8	Ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán
PLO9	Tuân thủ pháp luật, giải quyết vấn đề một cách khoa học trong quá trình thực thi nhiệm vụ chuyên môn, hình thành được tác phong làm việc chuyên nghiệp
PLO10	Có khả năng học tập suốt đời, ý thức tự phát triển bản thân để thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc và thực hiện trách nhiệm đối với xã hội

1.6.2. Mối liên hệ giữa mục tiêu và CDR của CTĐT

Bảng 1.6.2. mô tả mối liên hệ giữa các mục tiêu và PLOs của chương trình giảng dạy. Sinh viên có thể đạt được các mục tiêu của chương trình nếu họ đáp ứng các CDR của chương trình đào tạo.

Bảng 1.6.2. Mối liên hệ giữa các mục tiêu và PLOs

Chuẩn đầu ra		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
PLO1	Vận dụng được kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý và pháp luật trong công tác chuyên môn	X				X	X

PLO2	Thực hiện các nghiệp vụ hạch toán kế toán, thuế, tổ chức hệ thống thông tin kế toán, phân tích và đánh giá tài chính doanh nghiệp		X	X		X		
PLO3	Áp dụng được các phương pháp tổng hợp, đánh giá bằng chứng kiểm toán và đưa ra báo cáo kiểm toán		X	X		X		
PLO4	Tổ chức thực hiện công tác kiểm toán trong đơn vị; sắp xếp, lưu trữ hồ sơ kiểm toán một cách khoa học		X	X		X		
PLO5	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân		X	X		X		
PLO6	Phát triển kỹ năng giao tiếp và hợp tác tốt trong tổ chức; phát triển kỹ năng phản biện, phê phán và xử lý tình huống	X				X	X	
PLO7	Sử dụng ngoại ngữ thành thạo trong chuyên môn kế toán, kiểm toán; đạt trình độ ngoại ngữ tương đương B1 khung 6 bậc Châu Âu					X	X	X
PLO8	Ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán		X	X	X			

PLO9	Tuân thủ pháp luật, giải quyết vấn đề một cách khoa học trong quá trình thực thi nhiệm vụ chuyên môn, hình thành được tác phong làm việc chuyên nghiệp	X				X	X
PLO10	Có khả năng học tập suốt đời, ý thức tự phát triển bản thân để thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc và thực hiện trách nhiệm đối với xã hội	X				X	X

1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Kiểm toán có thể làm việc trong nhiều tổ chức và các lĩnh vực khác nhau như:

- Trợ lý Kiểm toán viên độc lập tại các công ty Kiểm toán; trong tương lai có thể trở thành trưởng nhóm Kiểm toán, Kiểm toán viên chính, Kiểm toán viên cao cấp.
- Kiểm toán viên nội bộ tại các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, đơn vị HCSN, các tổ chức xã hội, với nhiệm vụ thực hiện kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ trong nội bộ đơn vị, thực hiện kiểm tra tài chính, đánh giá kiểm soát nội bộ, tư vấn độc lập trong nội bộ đơn vị
- Kiểm toán viên Nhà nước: làm việc tại công ty Kiểm toán nhà nước, thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán tuân thủ như kiểm tra việc chấp hành các quy định và văn bản pháp luật, các chính sách do Nhà nước ban hành đối với từng lĩnh vực tại các đơn vị có sử dụng vốn và ngân sách nhà nước. Triển vọng nghề nghiệp là Kiểm toán viên chính, trưởng nhóm Kiểm toán.
- Nhân viên Kế toán làm việc tại các doanh nghiệp, ngân hàng, các định chế tài chính phi ngân hàng, đơn vị HCSN, các chương trình/dự án kinh tế - xã hội;
- Chuyên viên phân tích và tư vấn: làm việc tại các công ty cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính, tư vấn thuế;

– Nghiên cứu viên và giảng viên tại các cơ sở đào tạo và các cơ quan nghiên cứu.

1.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.8.1. Tiêu chí tuyển sinh

Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương, đáp ứng yêu cầu tuyển sinh của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.

1.8.2. Quá trình đào tạo

CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ. Quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đào tạo được thiết kế là 3,5 năm, nhưng người học có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm. Mỗi năm học có hai (hoặc 3) học kỳ chính (bắt đầu từ tháng 9) và một học kỳ hè (từ đầu tháng 6 đến giữa tháng 8).

Theo lộ trình được thiết kế, các học phần thuộc khối kiến thức đại cương khối kiến thức ngành sẽ được phân bổ từ năm học đầu tiên đến học kỳ 1 của năm thứ 2 (học kỳ 3); Các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành được phân bổ từ năm học thứ 2 đến giữa năm học thứ 3; Các học phần tiếng Anh cơ bản được học ở hai học kỳ đầu tiên, các học phần tiếng Anh chuyên ngành được giảng ở năm thứ 2 và thứ 3. Trong toàn khóa học có 8 học phần tự chọn (Sinh viên chọn 4/8 học phần, tương đương 12/24 tín chỉ).

Để tăng cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên, chương trình đào tạo bao gồm học phần Kiểm toán thực hành (4 tín chỉ). Đây là học phần do Trường liên kết với Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) giảng dạy, sinh viên hoàn tất học phần này sẽ được cấp chứng chỉ “Kiểm toán thực hành cơ bản” theo chương trình kiểm toán báo cáo tài chính mẫu (được Bộ Tài chính và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước sử dụng làm cơ sở thực hiện công tác kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán độc lập).

1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp ngành Kiểm toán nếu hội đủ các điều kiện:

– Được công nhận là sinh viên hệ chính quy của Trường theo đúng ngành Kiểm toán;

- Hoàn tất các học phần theo đúng CTĐT và tích lũy đủ số tín chỉ, không có học phần nào đạt điểm dưới 4 và có *Điểm trung bình chung tích lũy* của toàn khóa học đạt từ 5 trở lên (thang điểm hệ 10, tương đương Điểm C theo điểm hệ 4 trong Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ: Chứng chỉ TOEIC đạt trình độ 500 (Hoặc trình độ ngoại ngữ tương đương B1 khung 6 bậc châu Âu).
- Tin học phải có chứng chỉ MOS là Word, Excel; **Hoặc** chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin Nâng cao do Trung tâm Ngoại ngữ-Tin học HUFLIT cấp.
- Đạt chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập.

1.9. Chiến lược giảng dạy – học tập

Chương trình này được triển khai giảng dạy theo phương pháp lấy người học làm trung tâm, với việc sử dụng đa dạng chiến lược dạy và học như Chiến lược kỹ năng tư duy (Thinking Skills Strategies), Chiến lược dựa trên hoạt động (Activity-Based Strategies), Chiến lược hợp tác (Cooperative Strategies) và Chiến lược học tập độc lập – tự học (Independent Learning Strategies).

Việc sử dụng đa dạng phương pháp dạy và học sẽ hỗ trợ tích cực người học đạt được các PLOs. Động não (Brainstorming) là phương pháp luôn được lưu ý trong quá trình giảng dạy để thúc đẩy sinh viên phát triển ý tưởng sáng tạo. Do đó, ngay trong quá trình thuyết giảng, giảng viên cũng sẽ thường xuyên nêu vấn đề, đặt câu hỏi để sinh viên suy nghĩ, tìm câu trả lời, đưa ra giải pháp...

Nghiên cứu tình huống (Case Study) cũng là phương pháp được sử dụng trong nhiều môn học, với các tình huống đa dạng do giảng viên hoặc sinh viên thu thập và cùng chia sẻ trong lớp. Những tình huống được cập nhật thường xuyên, mang tính thời sự để sinh viên nắm bắt thực tế, biết cách thích nghi và ứng phó với sự thay đổi của môi trường làm việc.

Trên 60% môn chuyên ngành được giảng song ngữ Anh-Việt để giúp sinh viên có thêm lợi thế về cơ hội nghề nghiệp, và thuận lợi hơn trong việc thực hiện được mục tiêu học tập suốt đời. Do đó, sinh viên được học tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh

chuyên ngành với thời lượng thích đáng để đảm bảo cho việc học tốt các môn chuyên ngành.

Chương trình đào tạo cũng sẽ áp dụng hình thức Tham luận (Guest Speaker), với khách mời là các doanh nhân, nhà quản trị, cựu sinh viên thành đạt. Thông qua hình thức này, sinh viên có thể thu được những bài học kinh nghiệm thực tế từ những người đi trước; đồng thời thông qua các buổi cố vấn (Mentoring), sinh viên sẽ được thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, học hỏi về ý tưởng lập nghiệp, tự tạo việc làm cho mình sau khi tốt nghiệp.

Sinh viên còn được tham gia đa dạng vào các hoạt động đi thực tế (Field Trip), thực tập nghề nghiệp tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ quan hành chính sự nghiệp,... để tìm hiểu những nội dung thực tế liên quan đến môn học trên lớp.

Ứng dụng công nghệ thông tin cũng là một phần không thể thiếu trong CTĐT. Đây là môn học được cập nhật liên tục trong chương trình, là công cụ hỗ trợ việc dạy và học, thúc đẩy sinh viên phát triển năng lực tự học, giúp quá trình dạy và học nâng cao hiệu suất do tiết kiệm được thời gian. Với chương trình đào tạo này, cả giảng viên và sinh viên đều tích cực sử dụng các công cụ, phần mềm trực tuyến hỗ trợ cho quá trình dạy và học (Elearning, Moodle, Google Drive, Zoom và Microsoft Team ...) và thời lượng học online cho các môn là khoảng 30% quá trình học để người học chủ động sử dụng các công cụ học trực tuyến thành thạo.

1.10. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan, thường xuyên. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể của từng học phần được công bố cho người học trước khi học.

Kết quả đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý để có thể thực hiện sự điều chỉnh về các hoạt động dạy và học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu đề ra.

Tùy thuộc vào chuẩn đầu ra và phương pháp dạy-học của từng học phần, các phương pháp đánh giá phù hợp được lựa chọn nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của sinh viên cũng như hiệu quả đạt được của tiến trình dạy và học. Các phương pháp đánh giá được áp dụng bao gồm: đánh giá sự tham gia

trên lớp (in-class participation), bài tập (work assignment), thuyết trình (oral presentation), đánh giá hoạt động (performance test), kiểm tra viết (written exam), kiểm tra trắc nghiệm (multiple-choice exam), bảo vệ và thi vấn đáp (oral exam), viết báo cáo (written report), đánh giá làm việc nhóm (peer assessment), báo cáo thực hành nghề nghiệp, thực tập/khóa luận tốt nghiệp (graduation report/thesis).

a) Đánh giá sự tham gia trên lớp (In-class participation): Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của họ. Việc đánh giá chuyên cần không còn thực hiện một cách độc lập mà được kết hợp với đánh giá việc phát biểu xây dựng bài giảng trong giờ học.

b) Đánh giá bài tập (Work Assignment): Sinh viên được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.

c) Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation): Trong một số môn học, sinh viên được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, hay nghiên cứu một tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển kỹ năng truyền thông, thương lượng, làm việc nhóm.

d) Đánh giá hoạt động (Performance test): Sinh viên được yêu cầu thực hiện một số hoạt động, kỹ thuật cụ thể theo các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của môn học.

e) Kiểm tra viết (Written Exam): Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, làm bài tập hay đưa ra ý kiến cá nhân về những vấn đề chủ yếu liên quan đến các chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần.

f) Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam): Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

g) Thi vấn đáp (Oral Exam): Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Thời gian đánh giá được thực hiện định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ).

h) Viết Báo cáo (Written Report): Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

i) Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment): Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.

j) Báo cáo thực hành nghề nghiệp, thực tập/Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Report/Thesis): Báo cáo thực hành nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp hay khóa luận tốt nghiệp của sinh viên được đánh giá bởi giáo viên hướng dẫn và giáo viên phản biện bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá.

1.11. Hệ thống tính điểm

Hệ thống tính điểm được áp dụng dựa trên quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

- Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.
- Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.
- Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Thang điểm và cách đánh giá kết quả học tập thể hiện trên bảng 1.11.

Bảng 1.11. Thang điểm & điểm đánh giá kết quả học tập

Thang điểm hệ 10	Điểm chữ	Thang điểm hệ 4
9,0 – 10,0	A+	4,0
8,5 – 8,9	A	4,0
8,0 – 8,4	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,0 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 5,9	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0

Dưới 4	F	0,0
Đánh giá kết quả học tập		
	Xuất sắc	3,6 – 4,0
	Giỏi	3,2 – cận 3,6
	Khá	2,5 – cận 3,2
	Trung bình	2,0 – cận 2,5
	Yếu	1,0 – cận 2,0
	Kém	Dưới 1,0

2. Mô tả chương trình giảng dạy

2.1. Cấu trúc chương trình:

Chương trình giảng dạy được chia thành 2 khối kiến thức, gồm: Khối kiến thức giáo dục đại cương và Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, với tổng số tín chỉ là 140, chưa bao gồm phần kiến thức về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng; trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (Bảng 2.1.)

Khối kiến thức giáo dục đại cương cung cấp cho sinh viên các kiến thức về kinh tế, xã hội, lý luận chính trị, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng, toán học và tin học.

Ngoài ra, các học phần ngoại ngữ, bao gồm Tiếng Anh cơ bản và Tiếng Anh chuyên ngành sẽ giúp sinh viên có đủ năng lực để học tốt các học phần chuyên ngành, nâng cao khả năng đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh và khả năng học tập suốt đời sau khi tốt nghiệp.

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ và kiến thức tốt nghiệp. Trong đó, khối kiến thức ngành trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, kiểm soát nội bộ, để có thể thực hiện tốt công việc chuyên môn ngay sau khi tốt nghiệp; Khối kiến thức bổ trợ giúp sinh viên có thêm kỹ năng mềm, kiến thức liên ngành, nâng cao khả năng học tập các chuyên ngành khác trong tương lai và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp.

Bảng 2.1. Cấu trúc chương trình đào tạo ngành Kiểm toán

STT	Khối kiến thức		Số tín chỉ			Ghi chú
			Bắt buộc	Tự chọn	Tổng cộng	
1	Giáo dục đại cương	Lý luận chính trị	11		11	
		Ngoại ngữ	20		20	
		Kinh tế - xã hội	05		05	
		Toán- Tin học	09		09	
2	Giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở ngành	17		17	
		Chuyên ngành	43		43	
		Kiến thức bổ trợ	12	12	24	
		Thực tập & khóa luận tốt nghiệp	2	06	08	

2.2. Danh sách các học phần

2.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: (45 tín chỉ- Không tính Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng)

2.2.1.1. Lý luận chính trị: (11 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Lý thuyết (tiết)	Thảo luận, thực hành	Tổng số tiết
1	1010443	Triết học Mác - Lênin (<i>Philosophy of Marxism-Leninism</i>)	3	3		30
2	1010452	Kinh tế chính trị Mác - Lênin (<i>Political economics of Marxism-Leninism</i>)	2	2		45
3	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh (<i>Ideology of Ho Chi Minh</i>)	2	2		30

4	1010472	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (<i>History of the Vietnam Communist Party</i>)	2	2		45
5	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học (<i>Scientific socialism</i>)	2	2		30
Tổng cộng:			11	11		165

2.2.1.2. Ngoại ngữ: (20 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	HP tiên quyết	Học phần trước
1	1010484	Tiếng Anh Cơ Bản 1 (<i>Basic English 1</i>)	4		
2	1010494	Tiếng Anh Cơ Bản 2 (<i>Basic English 2</i>)	4		Tiếng Anh Cơ Bản 1 (<i>Basic English 1</i>)
4	2010263	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 1 (<i>English for Accounting & Auditing 1</i>)	3		Tiếng Anh Cơ Bản 2 (<i>Basic English 2</i>)
5	2010273	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 2 (<i>English for Accounting & Auditing 2</i>)	3		Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 1
6	2010283	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng 1 (<i>English for Finance & Banking 1</i>)	3		Tiếng Anh Cơ Bản 2
7	2010293	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng 2	3		Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- Ngân

		(<i>English for Finance & Banking 2</i>)			hàng 1
Tổng cộng:			20		

2.2.1.3. *Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng: (08 tín chỉ)*

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Ghi chú
1	1010042	Giáo dục thể chất 1	2	60	Không tính vào điểm tích lũy
2		Sinh viên chọn 1 trong các học phần:		90	
	1010602	Giáo dục thể chất 2 (Thể hình-Thẩm Mỹ NC)	3	90 tiết	
	1010612	Giáo dục thể chất 2 (Aerobic)	3	90 tiết	
	1010622	Giáo dục thể chất 2 (Vovinam)	3	90 tiết	
	1010632	Giáo dục thể chất 2 (Yoga)	3	90 tiết	
	1010642	Giáo dục thể chất 2 (Khiêu vũ thể thao)	3	90 tiết	
	1010652	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)	3	90 tiết	
3	1010034	Giáo dục quốc phòng- An ninh	3	165	
Tổng cộng:			08		

2.2.1.4. *Kinh tế - xã hội: (05 tín chỉ)*

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
1	1010052	Đại cương pháp luật Việt Nam (<i>Fundamentals of Laws in Vietnam</i>)	2	30	BB			Việt

2	2010013	Quản trị học (<i>Managerial Science</i>)	3	45	BB			Việt
Tổng cộng:			5	75				

2.2.1.5. Toán – Tin học: (09 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
1	2022563	Cơ sở dữ liệu (<i>Database</i>)	3	45	BB			Việt
2	2022313	Thống kê ứng dụng (<i>Applied statistics</i>)	3	45	BB			Việt
3	2022293	Toán ứng dụng (<i>Applied Mathematics</i>)	3	45	BB			Việt
Tổng cộng:			09	135				

2.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: (92 tín chỉ)

2.2.2.1 Kiến thức cơ sở ngành: (14 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
1	2020013	Kinh tế vi mô (<i>Microeconomics</i>)	3	45	BB			Việt
2	2020023	Kinh tế vĩ mô (<i>Macroeconomics</i>)	3	45	BB			Việt
3	2020082	Kỹ năng học đại học	2	30	BB			Việt

		(ngành Kiểm toán) (<i>Study Skills</i>)						
4	2020043	Nguyên lý kế toán (<i>Fundamental of Accounting</i>)	3	45	BB		Kinh tế vi mô	Việt
5	2022403	Tài Chính Công Ty (<i>Corporate finance</i>)	3	45	BB		Kinh tế vi mô	Anh
Tổng cộng:			14	210				

2.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành: (46 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
1	2022013	Kế toán tài chính 1 (<i>Financial Accounting 1</i>)	3	45	BB		Nguyên lý kế toán	Việt
2	2022023	Kế toán tài chính 2 (<i>Financial Accounting 2</i>)	3	45	BB		Kế toán tài chính 1	Việt
3	2022033	Kế toán tài chính 3 (<i>Financial Accounting 3</i>)	3	45	BB		Kế toán tài chính 2	Việt
4	2022043	Kế toán tài chính 4 (<i>Financial accounting 4</i>)	3	45	BB		Kế toán tài chính 3	Việt

5	2022573	Kiểm toán 1 (<i>Auditing 1</i>)	3	45	BB		Kế toán tài chính 3	Việt
6	2022583	Kiểm toán 2 (<i>Auditing 2</i>)	3	45	BB		Kiểm toán 1	Việt
7	2022593	Kiểm toán 3 (<i>Auditing 3</i>)	3	45	BB		Kiểm toán 2	Việt
8	2022203	Kế toán hành chính sự nghiệp (<i>Public accounting</i>)	3	45	BB	Nguyên lý kế toán	Kế toán tài chính 1, 2, 3, 4	Việt
9	2021113	Kế toán ngân hàng (<i>Banking Accounting</i>)	3	45	BB		Nguyên lý kế toán	Việt
10	2022123	Hệ thống thông tin kế toán (<i>Accounting Information System</i>)	3	45	BB		Nguyên lý kế toán	Việt
11	2022604	Kiểm toán thực hành (<i>Auditing practice</i>)	4	60	BB		Kiểm toán 2	Việt
12	2022083	Kiểm soát nội bộ (<i>Internal control</i>)	3	45	BB		Nguyên lý kế toán	Việt
13	2022463	IFRS 1 (<i>International Financial Reporting Standards 1</i>)	3	45	BB		Nguyên lý kế toán	Anh
14	2022483	IFRS 2 (<i>International Financial Reporting Standards 2</i>)	3	45	BB		Nguyên lý kế toán	Anh

15	2022523	Thuế và khai báo thuế (<i>Tax and tax declaration</i>)	3	45	BB		Tài chính công ty	Việt
Tổng cộng:			46	690				

2.2.2.3. Kiến thức bổ trợ: (24 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
		CÁC MÔN BẮT BUỘC	12	180				
1	2022103	Kế toán quản trị (<i>Management Accounting</i>)	3	45	BB	Nguyên lý kế toán	Kế toán tài chính 1	Anh
2	2021223	Phương pháp nghiên cứu khoa học (<i>Scientific Research Methods</i>)	3	45	BB		Triết học Mac- Lenin	Việt
3	2022303	Kinh tế lượng ứng dụng (<i>Applied Econometrics</i>)	3	45	BB			Việt
4	2022453	Khởi nghiệp (<i>Entrepreneurship</i>)	3	45	BB		Quản trị học, tài chính công ty	Việt
		CÁC MÔN TỰ CHỌN (Chọn 4/8 môn)	12	180				
1	2022613	Quản lý Nhà nước về kiểm toán	3	45	TC		Nguyên lý kế	Việt

		<i>(State management of audit)</i>					toán	
2	2022353	Mua bán và sáp nhập <i>(Mergers và Acquisitions)</i>	3	45	TC		Tài chính công ty	
3	2011123	Trực quan hóa dữ liệu <i>(Data visualization)</i>	3	45	TC		Thống kê ứng dụng	
4	2021143	Quản trị ngân hàng thương mại <i>(Commercial Bank management)</i>	3	45	TC		Quản trị học	
5	2021103	Thanh toán quốc tế <i>(International payments)</i>	3	45	TC		Tài chính công ty	
6	2022323	Định giá tài sản <i>(Asset appraisal)</i>	3	45	TC		Tài chính công ty	
7	2011113	Kế toán Excel <i>(Excel Accounting)</i>	3	45	TC		Kế toán tài chính 1,2,3	
8	2022133	Phần mềm kế toán <i>(Accounting Software)</i>	3	45	TC		Kế toán tài chính 1,2,3	Việt
Tổng cộng:			24	360				

2.2.2.4. Kiến thức tốt nghiệp: (08 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
1	2021342	Thực tập tốt nghiệp (<i>Internship</i>)	2	30	BB			Việt
2	2021356	Khóa luận tốt nghiệp (<i>Graduation thesis</i>)	6	90	TC			Việt
HOẶC								
2	2022373	Kế toán quốc tế <i>International Accounting</i>	3	45	BB		Nguyên lý kế toán	Anh
3	2021363	Kiểm toán hoạt động (<i>Operational audit</i>)	3	45	TC		Kế toán tài chính 4	Việt
Tổng cộng:			8	120				

2.2.3. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT

Ghi chú:

H: Mức đáp ứng của học phần cho CĐR của CTĐT là “Cao”

M: Mức đáp ứng của học phần cho CĐR của CTĐT là “Trung bình”

L: Mức đáp ứng của học phần cho CĐR của CTĐT là “Thấp”

Bỏ trống hoặc “-”: Học phần không đáp ứng cho CĐR của CTĐT

STT	Tên học phần	Đáp ứng chuẩn đầu ra									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
<i>I. Kiến thức giáo dục đại cương</i>											
1	Triết học Mác - Lênin	H				L	L			M	L
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	M	L			L	L			M	L
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	L								M	L
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	L					L			L	M
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học					L				M	M
6	Tiếng Anh Cơ Bản 1					M	L	H		M	H
7	Tiếng Anh Cơ Bản 2					L	M	H		H	H
8	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 1		M			L	L	H		L	L
9	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng 1		L				L	H		M	M
10	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 2		L			L	H	H		L	M
11	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng 2		L			L	L	M		L	M
12	Đại cương pháp luật Việt Nam	H								M	M

13	Quản trị học	M			L	M	M			M	H
14	Cơ sở dữ liệu		M			M			H	M	M
15	Thống kê ứng dụng					M			M	M	M
18	Toán ứng dụng					M	L			M	H
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp											
1	Kinh tế vi mô	M				L				L	M
2	Kinh tế vĩ mô	M				M				L	M
3	Kỹ năng học đại học (ngành Kiểm toán)	L				M	H			L	M
4	Nguyên lý kế toán		H	L	M					M	M
5	Tài Chính Công Ty	M	H						M	L	M
6	Kế toán tài chính 1		M	L	M					M	M
7	Kế toán tài chính 2	H	M	M	L				M	M	H
8	Kế toán tài chính 3	M	H		L					M	M
9	Kế toán tài chính 4	M	H			M				M	M
10	Kiểm toán 1	M	H	L	L	M	M			M	M
11	Kiểm toán 2	H	H	L	L	H	M			M	M
12	Kiểm toán 3	H	H	H	L	M	M		M	M	M
13	Kế toán hành chính sự nghiệp	H	H	M	L	M	L			M	M

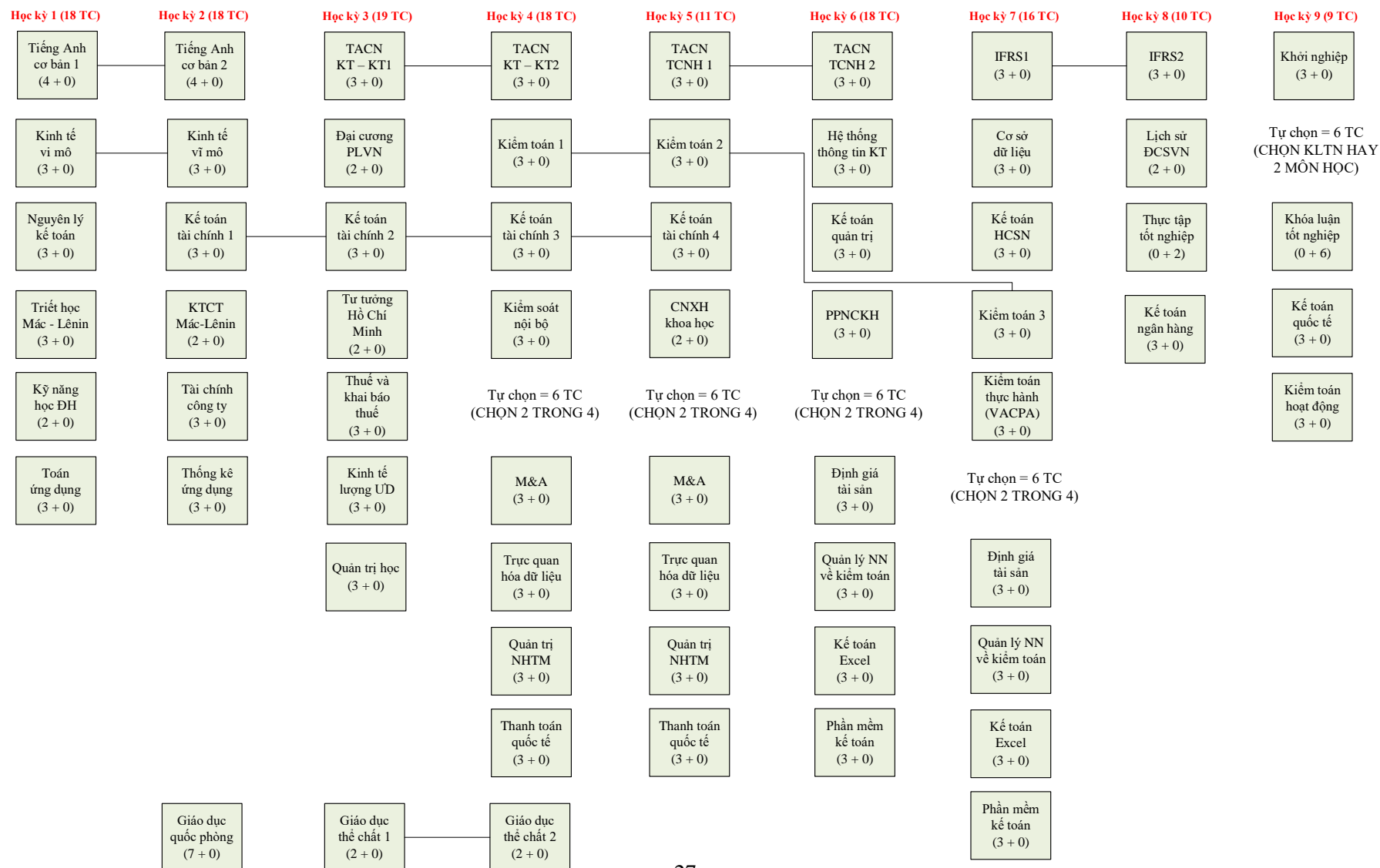
14	Kế toán ngân hàng	M	H	L	L	L				M	M
15	Hệ thống thông tin kế toán	H	H	M		H	H				M
16	Kiểm toán thực hành		H	H	H	H			H	H	H
17	Kiểm soát nội bộ	M	M	M	M	L	L			M	M
20	IFRS 1		H			H	H	H		M	M
21	IFRS 2		H			H	H	H		H	M
22	Thuế và khai báo thuế	M	H	M		M				M	H
23	Kế toán quản trị		H		M	M	L	L		M	M
24	Phương pháp nghiên cứu khoa học	M				H	H		H	H	H
25	Kinh tế lượng ứng dụng		L			M			H	M	L
26	Khởi nghiệp	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
27	Quản lý Nhà nước về kiểm toán	H				M				H	H
28	Mua bán và sáp nhập	L				H	M			M	L
29	Trực quan hóa dữ liệu					M			H	M	M
30	Quản trị ngân hàng thương mại	M	L	L	L	M	M	M	L	H	M
31	Thanh toán quốc tế	H				M	L	M		M	M
32	Định giá tài sản	H				M	H				M
33	Kế toán Excel		M	L	M				H	M	L

34	Phần mềm kế toán		M		M			L	L		M
35	Thực tập tốt nghiệp	H	H	H		H	M		M	H	H
36	Khóa luận tốt nghiệp	H	H	H		H	M		M	H	H
37	Kế toán quốc tế		H			M	M	H		H	M
38	Kiểm toán hoạt động	H	H	L	L	M	L		M	M	M

2.2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy (cây chương trình):

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ – TIN HỌC TP HCM
KHOA KINH TẾ - TÀI CHÍNH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH KIỂM TOÁN HỆ CHÍNH QUY - KHÓA 2023



2.2.5. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

Năm	Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Tổng cộng
1	1	Tiếng Anh Cơ Bản 1	4	18
		Kinh tế vi mô	3	
		Nguyên lý kế toán	3	
		Triết học Mác - Lênin	3	
		Kỹ năng học Đại học (Kiểm toán)	2	
		Toán ứng dụng	3	
	2	Tiếng Anh Cơ Bản 2	4	18
		Kinh tế vĩ mô	3	
		Kế toán tài chính 1	3	
		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
		Thống kê ứng dụng	3	
		Tài chính công ty	3	
2	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	19
		Kinh tế lượng ứng dụng	3	
		Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 1	3	
		Kế toán tài chính 2	3	
		Thuế và khai báo thuế	3	
		Quản trị học	3	
		Đại cương pháp luật Việt Nam	2	
	4	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 2	3	18
		Kế toán tài chính 3	3	
		Kiểm toán 1	3	
		Kiểm soát nội bộ	3	
		CHỌN 2/4 MÔN (*)	6	
		<i>Mua bán và sáp nhập</i>		
		<i>Thực quan hóa dữ liệu</i>		
<i>Quản trị ngân hàng thương mại</i>				

		<i>Thanh toán quốc tế</i>		
5		Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng 1	3	11
		Kiểm toán 2	3	
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
		Kế toán tài chính 4	3	
		TỰ CHỌN		
		<i>Mua bán và sáp nhập</i>		
		<i>Trực quan hóa dữ liệu</i>		
		<i>Quản trị ngân hàng thương mại</i>		
		<i>Thanh toán quốc tế</i>		
3	6	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng 2	3	18
		Hệ thống thông tin kế toán	3	
		Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	
		Kế toán quản trị	3	
		CHỌN 2/4 MÔN (*)	6	
		<i>Định giá tài sản</i>		
		<i>Quản lý Nhà nước về Kiểm toán</i>		
		<i>Kế toán Excel</i>		
		<i>Phần mềm kế toán</i>		
	7	IFRS 1	3	16
		Cơ sở dữ liệu	3	
		Kế toán hành chính sự nghiệp	3	
		Kiểm toán thực hành (VACPA)	4	
		Kiểm toán 3	3	
		TỰ CHỌN		
		<i>Định giá tài sản</i>		
		<i>Quản lý Nhà nước về Kiểm toán</i>		
		<i>Kế toán Excel</i>		
<i>Phần mềm kế toán</i>				
8	IFRS 2	3	10	

		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
		Thực tập tốt nghiệp	2	
		Kế toán ngân hàng	3	
3,5	9	Khởi nghiệp	3	9
		Khóa luận tốt nghiệp	6	
		HOẶC (thay KLTN)		
		Kế toán quốc tế		
		Kiểm toán hoạt động		
		Tổng cộng	137	137

(*) Các môn tự chọn có thể mở trong nhiều học kỳ tùy nhu cầu thực tế

2.2.6. Bảng phân công giảng dạy dự kiến

STT	Tên học phần	Tên giảng viên	Ghi chú
1	Tiếng Anh Cơ Bản 1	Bộ môn TAKC	Phụ trách chung
2	Kinh tế vi mô	Dương Thế Duy	Phụ trách chính
3	Nguyên lý kế toán	Lý Phát Cường	Phụ trách chính
4	Triết học Mác - Lênin	Khoa LLCT	Phụ trách chung
5	Kỹ năng học Đại học (Kiểm toán)	Nguyễn Thanh Sơn	Phụ trách chính
6	Toán ứng dụng	Nguyễn Trung Đông	Phụ trách chính
7	Tiếng Anh Cơ Bản 2	Trần San Đào	Phụ trách chính
8	Kinh tế vĩ mô	Dương Thế Duy	Phụ trách chính
9	Kế toán tài chính 1	Nguyễn Thanh Sơn	Phụ trách chính
10	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Khoa LLCT	Phụ trách chung
11	Thống kê ứng dụng	Hoàng Đức Sinh	Phụ trách chính
12	Tài chính công ty	Nguyễn Thị Ngọc Vân	Phụ trách chính
13	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Khoa LLCT	Phụ trách chung
14	Kinh tế lượng ứng dụng	Hoàng Đức Sinh	Phụ trách chính
15	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 1	Trần San Đào	Phụ trách chính

16	Kế toán tài chính 2	Nguyễn Thị Tuyết Như	Phụ trách chính
17	Thuế và khai báo thuế	Nguyễn Thanh Sơn	Phụ trách chính
18	Quản trị học	Nguyễn Thị Anh	Phụ trách chính
29	Đại cương pháp luật Việt Nam	Khoa Luật	Phụ trách chung
20	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 2	Trần San Đào	Phụ trách chính
21	Kế toán tài chính 3	Lý Phát Cường	Phụ trách chính
22	Kiểm toán 1	Võ Đình Phụng	Phụ trách chính
23	Kế toán quản trị	Lê Bá Khôi	Phụ trách chính
24	Mua bán và sáp nhập	Phan Minh Đạt	Phụ trách chính
25	Trực quan hóa dữ liệu	Lê Bá Khôi	Phụ trách chính
26	Quản trị ngân hàng thương mại	Trần Minh Lam	Phụ trách chính
27	Thanh toán quốc tế	Trần San Đào	Phụ trách chính
28	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng 1	Trần San Đào	Phụ trách chính
29	Kiểm toán 2	Trương Hoàng Hùng	Phụ trách chính
30	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Khoa LLCT	Phụ trách chung
31	Kế toán tài chính 4	Nguyễn Thanh Sơn	Phụ trách chính
32	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng 2	Trần San Đào	Phụ trách chính
33	Kiểm toán thực hành (4 TC)	VACPA	Phụ trách chung
34	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Hoàng Đức Sinh	Phụ trách chính
35	Định giá tài sản	Ngô Ngọc Thuyên	Phụ trách chính
36	Quản lý Nhà nước về Kiểm toán	Trương Hoàng Hùng	Phụ trách chính
37	Kế toán Excel	Võ Đình Phụng	Phụ trách chính
38	Phần mềm kế toán	Vũ Thị Diệp Chi	Phụ trách chính
39	IFRS 1	Lê Bá Khôi	Phụ trách chính
40	Cơ sở dữ liệu	Khoa CNTT	Phụ trách chung
41	Kế toán hành chính sự nghiệp	Võ Đình Phụng	Phụ trách chính

42	Kiểm soát nội bộ	Võ Đình Phụng	Phụ trách chính
43	Hệ thống thông tin kế toán	Lý Phát Cường	Phụ trách chính
44	Kiểm toán 3	Trương Hoàng Hùng	Phụ trách chính
45	IFRS 2	Lê Bá Khôi	Phụ trách chính
46	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Khoa LLCT	Phụ trách chính
47	Kế toán ngân hàng	Trương Hoàng Hùng	Phụ trách chính
48	Thực tập tốt nghiệp	Lê Bá Khôi	Phụ trách chính
49	Khởi nghiệp	Đinh Ngọc Long	Phụ trách chính
50	Khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thanh Sơn	Phụ trách chính
51	Kế toán quốc tế	Lê Bá Khôi	Phụ trách chính
52	Kiểm toán hoạt động	Trương Hoàng Hùng	Phụ trách chính

2.2.7. Mô tả các học phần:

2.2.7.1. Lý luận chính trị: (11 tín chỉ)

1. Triết học Mác – Lênin (1010443)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về chủ nghĩa duy vật biện chứng trong việc xem xét giới tự nhiên cũng như xem xét đời sống xã hội và tư duy con người, giúp sinh viên hình thành thế giới quan khoa học, định hướng cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn, và phát triển phương pháp luận khoa học. Học tốt Triết học Mác – Lênin, sinh viên sẽ biết phân tích cụ thể sự vật, hiện tượng kinh tế - xã hội theo tinh thần biện chứng, đồng thời ngăn ngừa thái độ chủ quan tùy tiện trong việc vận dụng lý luận vào hoạt động thực tiễn.

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (1010452)

Với tư cách là “nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động” của Đảng và Nhà nước, kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp các luận cứ khoa học làm cơ sở cho việc hình thành chủ trương, đường lối phát triển kinh tế của Đảng, các chính sách, pháp luật kinh tế của Nhà nước.

Do đó, việc trang bị tri thức khoa học kinh tế chính trị Mác - Lênin sẽ giúp sinh viên có vốn kiến thức khoa học chính trị cần thiết, hiểu được bản chất của các hiện tượng và quá trình kinh tế, giải thích được các quy luật kinh tế; qua đó hình thành

niềm tin, tư duy logic, thái độ tích cực trong, góp phần thực thi trách nhiệm đối với bản thân và xã hội.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (1010092)

Từ sau Đại hội IX của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh đã được nghiên cứu vừa tổng thể, vừa phân tích dưới các góc độ khác nhau về những vấn đề khác nhau. Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh là cần thiết trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước đã và đang bước vào thời kỳ mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức; hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

Học phần này giúp sinh viên hiểu rõ quan điểm của Hồ Chí Minh, có được cái nhìn khái quát, toàn diện, sâu sắc khi nghiên cứu tư tưởng của Người với tính cách là “nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động” của Đảng và Nhà nước; Với học phần này, sinh viên sẽ được trang bị các luận cứ khoa học về việc hình thành chủ trương, đường lối phát triển kinh tế của Đảng, các chính sách, pháp luật kinh tế của Nhà nước. giúp sinh viên hình thành niềm tin, thái độ tích cực trong hoạt động thực tiễn, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (1010472)

Học phần này bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...); Góp phần bồi dưỡng sinh viên về phương pháp, đạo đức cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sống và chiến đấu vì nhân dân, vì Tổ quốc.

5. Chủ nghĩa xã hội khoa học (1010462)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hệ thống tri thức và căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối, chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; góp phần giáo dục, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, đạo đức nghề nghiệp của người học.

2.2.7.2. Ngoại ngữ: (20 tín chỉ)

1. Tiếng Anh Cơ Bản 1 (1010484)

Trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ Anh (Nghe-Nói-Đọc-Viết) cho sinh viên trong ngữ cảnh giao tiếp xã hội, khoa học, văn hóa, giáo dục, đạt trình độ và năng lực giao tiếp tiếng Anh trình độ sơ cấp (tương đương chuẩn cấp độ 1/6 khung năng lực ngoại ngữ quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

2. Tiếng Anh Cơ Bản 2 (1010494)

Trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ Anh (Nghe-Nói-Đọc-Viết) cho sinh viên trong ngữ cảnh giao tiếp xã hội, khoa học, văn hóa, giáo dục đạt trình độ và năng lực giao tiếp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp (tương đương chuẩn cấp độ 2/6 khung năng lực ngoại ngữ quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

3. Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 1(2010263)

Học phần được thực hiện với mục tiêu trang bị cho SV về 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết đối với các thuật ngữ và các tình huống trong lĩnh vực Kế toán – Kiểm toán. Từ đó sinh viên có khả năng vận dụng để tự tìm tòi, nghiên cứu giáo trình, tài liệu tiếng Anh trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán cũng như các tình huống thực tiễn khác.

4. Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán 2(2010273)

Học phần được thực hiện với mục tiêu củng cố thêm cho SV về 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, chú trọng nâng cao khả năng tương tác và vận dụng tiếng Anh trong các tình huống thực tế trong lĩnh vực Kế toán Kiểm toán. Học phần còn giúp củng cố năng lực ngoại ngữ và hỗ trợ sinh viên đạt được chuẩn tiếng Anh đầu ra. Sinh viên có cơ hội ôn tập kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ tổng hợp từ các học phần trước, trở nên tự tin hơn trong giao tiếp.

5. Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính -NH 1(2010283)

Học phần được thực hiện với mục tiêu củng cố thêm cho SV về 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, chú trọng nâng cao khả năng tương tác và vận dụng tiếng Anh trong các tình huống nghiệp vụ TCNH. Sinh viên có cơ hội ôn tập kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ tổng hợp từ các học phần trước, trở nên tự tin hơn trong giao tiếp.

6. Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính -NH 2(2010293)

Học phần được thực hiện với mục tiêu củng cố thêm cho SV về 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, đặc biệt chú trọng rèn luyện khả năng tương tác và vận dụng tiếng Anh trong các tình huống thực tế trong lĩnh vực Tài chính -Ngân hàng. Học phần giúp củng

cố năng lực ngoại ngữ và hỗ trợ sinh viên đạt được chuẩn tiếng Anh đầu ra. Sinh viên có cơ hội vận dụng kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ tổng hợp từ các học phần trước, tự tin hơn trong giao tiếp thực tế trong công việc sau này.

2.2.7.3. Kinh tế- Xã hội: (05 tín chỉ)

1. Đại cương pháp luật Việt Nam (1010052)

Đại cương pháp luật Việt Nam là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, làm nền tảng để sinh viên có thể nghiên cứu các quy định pháp lý và luật chuyên ngành như Luật các tổ chức tín dụng, luật đầu tư, luật chứng khoán... Học phần cũng giúp sinh viên nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

2. Quản trị học (2010012)

Học phần giúp SV tiếp cận được những kiến thức cơ bản về quản trị trong các tổ chức, trang bị cho SV một cách nhìn có hệ thống về quản trị, tạo tiền đề cho việc vận dụng kiến thức quản trị học để giải quyết vấn đề của tổ chức. HP sẽ giúp SV rèn luyện kỹ năng xây dựng, thực hiện và kiểm soát kế hoạch; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng ra quyết định trong kinh doanh.

2.2.7.4. Toán – Tin học: (09 tín chỉ)

1. Cơ sở dữ liệu (2022563)

Học phần này trang bị kiến thức nền tảng về cơ sở dữ liệu, nhu cầu tổ chức dữ liệu, xử lý dữ liệu và khai thác dữ liệu. Thông qua môn học này sinh viên có cái nhìn khái quát khi tiếp cận xây dựng hệ thống phần mềm quản lý, có kiến thức nền tảng để tiếp tục học về khai thác dữ liệu. Về nội dung, sinh viên được trang bị kiến thức để xây dựng mô hình thực thể kết hợp, các khái niệm về mô hình quan hệ và cách chuyển đổi từ mô hình thực thể kết hợp sang mô hình quan hệ.

2. Thống kê ứng dụng (2022313)

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về quá trình nghiên cứu thống kê, kỹ thuật trình bày các bảng biểu thống kê, phương pháp thống kê sử dụng trong việc thu thập và phân tích dữ liệu, làm cơ sở để có thể ra các quyết định trong kinh doanh. Hoàn tất học phần này, sinh viên sẽ có kỹ năng xử lý, trình bày dữ liệu, đọc kết quả thống kê trên các phần mềm thống kê phổ biến như Excel, SPSS.

3. Toán ứng dụng (2022293)

Học phần này cung cấp những kiến thức toán học cần thiết để sinh viên có thể hiểu được những nội dung ứng dụng của toán trong chương trình cử nhân ngành Tài chính Ngân hàng, Kế toán. Qua môn học này, sinh viên có thể hiểu được và biết cách ứng dụng các kiến thức toán trong việc phân tích và giải quyết các vấn đề thực tế trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh và kinh tế.

2.2.7.5. Cơ sở ngành: (14 tín chỉ)

1. Kinh tế vi mô (2020013)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức kinh tế cơ bản và trang bị cho sinh viên về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh,...Thông qua việc nghiên cứu hành vi của các chủ thể của một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ đối với việc ra quyết định phân bổ hiệu quả các nguồn lực khan hiếm, học phần sẽ giúp sinh viên hiểu động cơ, cách thức ra quyết định của các chủ thể này và ảnh hưởng của các quyết định đến các chủ thể khác cũng như tổng thể nền kinh tế. Bên cạnh đó, học phần cũng chỉ ra những thất bại của thị trường vốn là cơ sở cho những biện pháp điều chỉnh của chính phủ hướng đến tính hiệu quả tối ưu trong điều kiện cân bằng tổng thể có cạnh tranh. Học phần này sẽ trang bị công cụ phân tích để sinh viên nắm bắt và áp dụng cho các môn học sau này; Giúp sinh viên có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai.

2. Kinh tế vĩ mô (2020023)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức kinh tế cơ bản, giúp cho sinh viên tiếp cận lý thuyết kinh tế vĩ mô, nắm vững các khái niệm căn bản về kinh tế vĩ mô và hiểu được những vấn đề về kinh tế vĩ mô mà thế giới đang quan tâm. Đồng thời, học phần còn trang bị cho sinh viên một số mô hình cân bằng như là công cụ dùng để phân tích và lý giải các sự kiện kinh tế vĩ mô, góp phần cải thiện mức độ hiểu biết của sinh viên đối với sự vận hành của nền kinh tế và thực thi các chính sách kinh tế vĩ mô ở các nước, làm cơ sở cho việc phân tích các vấn đề có liên quan trong các môn học ứng dụng sau này; Giúp sinh viên có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai.

3. Kỹ năng học đại học ngành Kiểm toán (2020082)

Học phần này giúp sinh viên tìm hiểu được ý nghĩa, vai trò của ngành Kiểm toán trong nền kinh tế, những vị trí nghề nghiệp dành cho cử nhân ngành Kiểm toán, những nội dung kiến thức, kỹ năng mà sinh viên sẽ được học trong toàn bộ chương trình đào tạo. Học phần cũng trang bị cho sinh viên một số kỹ năng mềm để giúp sinh viên làm quen với môi trường và phương pháp học ở bậc đại học, qua đó, sinh viên có thể phát huy tối đa năng lực cá nhân, chủ động và sáng tạo trong quá trình học tập, chuẩn bị cho việc phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

4. Nguyên lý kế toán (2020043)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức để người học có thể hiểu và nhận thức những nguyên lý cơ bản về kế toán, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ tiếp theo thuộc khối ngành Kinh tế như kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng,

5. Tài chính công ty (2022403)

Tài chính công ty là học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp. Các bài tập thực hành sẽ giúp sinh viên nâng cao các kỹ năng như: phân tích tình hình tài chính; xây dựng mục tiêu của nhà quản trị tài chính; định giá những thu nhập trong tương lai, đánh giá rủi ro của doanh nghiệp; ra quyết định đầu tư thông qua phân tích tài chính.

2.2.7.6. Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành: (46 tín chỉ)

1. Kế toán tài chính 1 (2022013)

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về kế toán doanh nghiệp, cụ thể là kế toán vốn bằng tiền, kế toán nguyên liệu công cụ dụng cụ, kế toán TSCĐ, kế toán tiền lương và tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp; Qua học phần này, sinh viên dễ dàng tiếp cận với kiến thức kế toán trong các doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực khác trong chương trình học tập tiếp theo.

2. Kế toán tài chính 2 (2022023)

Trang bị cho sinh viên kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về kế toán doanh nghiệp, cụ thể là kế toán nợ phải trả, kế toán nguồn vốn chủ sở hữu, kế toán quá trình tiêu thụ sản phẩm, kế toán quá trình kinh doanh hàng hóa, xác định kết quả kinh doanh

của doanh nghiệp; Qua học phần này, sinh viên dễ dàng tiếp cận với kiến thức kế toán trong các doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực khác trong chương trình học tập tiếp theo.

3. Kế toán tài chính 3 (2022033)

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan kế toán doanh nghiệp, để sinh viên dễ dàng tiếp cận với kiến thức kế toán doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau.

– Hiểu được kế toán bất động sản đầu tư, đầu tư tài chính trong doanh nghiệp; kế toán đầu tư xây dựng cơ bản; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp; kế toán trong doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp.

– Biết vận dụng chương trình học vào thực tế tại doanh nghiệp.

4. Kế toán tài chính 4 (2022043)

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về chứng từ, kết cấu tài khoản, sổ kế toán và báo cáo tài chính, qua đó sinh viên lập được chứng từ kế toán, ghi sổ, định khoản kế toán và lập báo cáo tài chính ở các loại hình doanh nghiệp.

5. Kiểm toán 1 (2022573)

Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về kiểm toán và hoạt động kiểm toán: bản chất, vai trò của kiểm toán; các loại kiểm toán và môi trường hoạt động của kiểm toán; một số khái niệm, phương pháp quy trình cơ bản trong kiểm toán báo cáo tài chính. Môn học này học sau môn Kế toán tài chính và trước môn Kiểm toán.

6. Kiểm toán 2 (2022583)

Học phần này học sau môn Kiểm toán 1 và trước môn Kiểm toán thực hành. Môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng nâng cao về kiểm toán báo cáo tài chính. Bao gồm trách nhiệm của kiểm toán viên, các bằng chứng kiểm toán đặc biệt, và ứng dụng tổng hợp các kiến thức và kỹ năng về kế toán, kiểm soát nội bộ và kiểm toán vào việc kiểm toán các khoản mục cụ thể của báo cáo tài chính.

7. Kiểm toán 3 (2022593)

Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành cần thiết trong giai đoạn khởi đầu của nghề nghiệp kiểm toán, bao gồm cách thức thực hiện kiểm toán các phần hành đơn giản trên hồ sơ kiểm toán. Môn học này học sau môn Kiểm toán 2 và trước khi đi thực tập.

8. Kế toán hành chính sự nghiệp (2022203)

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về quản lý và sử dụng nguồn lực tại các đơn vị hành chính sự nghiệp; giúp sinh viên hiểu được những nguyên tắc chung, yêu cầu, phương pháp thu thập để cung cấp thông tin hữu ích cho đối tượng sử dụng thông tin; Giúp sinh viên có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai.

9. Kế toán ngân hàng (2021113)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những nguyên lý chung nhằm trang bị kiến thức cơ bản về công tác tổ chức, thực hiện nghiệp vụ kế toán trong ngân hàng, chủ yếu là tại các ngân hàng thương mại và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động của ngân hàng.

Đây là học phần giúp sinh viên vận dụng được kiến thức kế toán ngân hàng để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại ngân hàng liên quan đến nguồn vốn, tín dụng, thanh toán vốn giữa các ngân hàng, thanh toán không dùng tiền mặt, xác định và phân phối kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính ngân hàng;

10. Hệ thống thông tin kế toán (2022123)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức quy trình kinh doanh; Giúp sinh viên hiểu được những nguyên tắc, nhiệm vụ của từng bộ phận và vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ. Vận dụng những kiến thức đã học để thiết kế, tổ chức, vận hành hệ thống thông tin kế toán trong đơn vị kinh doanh.

11. Kiểm toán thực hành (2022604)

Hướng tới nhu cầu thực tiễn của các nhà tuyển dụng là các công ty kiểm toán và các tập đoàn hàng đầu Việt Nam, học phần Kiểm toán thực hành (IAu) là học phần đặc biệt được triển khai với sự liên kết cùng VACPA. Học phần được cấu trúc gồm các phần kiến thức cần thiết và cập nhật các chuẩn mực kiểm toán, chuẩn mực IFRS, các quy định về thuế, kết hợp với phần thực hành trên hồ sơ kiểm toán thật. Kiểm toán thực hành (IAu) sẽ là hành trang cần thiết cho sinh viên khi thi tuyển vào các công ty kiểm toán, giúp sinh viên có thể thực hành một cách hệ thống và hiệu quả.

12. Kiểm soát nội bộ (2022083)

Kiểm soát nội bộ là nội dung ngày càng được quan tâm ở mọi tổ chức, đặc biệt là các doanh nghiệp. Thực hiện tốt hoạt động kiểm soát nội bộ sẽ giúp doanh nghiệp

ngăn chặn gian lận, giảm thiểu sai sót, khuyến khích hiệu quả hoạt động, và đạt được sự tuân thủ các chính sách và chu trình được thiết lập như: chu trình mua hàng, tồn trữ và trả tiền; Chu trình bán hàng, thu tiền; chu trình tính và trả lương...

13. IFRS 1 (2022463)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về lập báo cáo tài chính quốc tế; Giúp sinh viên hiểu được những nguyên tắc chung để lập và trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế (IAS 1, IAS 7). Đây là những kiến thức vô cùng cần thiết cho SV ngành kiểm toán.

14. IFRS 2 (2022483)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về lịch sử hình thành, vai trò của Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) và các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS), IAS và US GAAP; Giúp sinh viên hiểu được thêm những nguyên tắc của các chuẩn mực khác trong bộ chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, có khả năng độc lập áp dụng các chuẩn mực IFRS phù hợp với tình huống thực tế.

15. Thuế và khai báo thuế (2022093)

Trang bị cho sinh viên tổng quát những quy định hiện hành của các sắc thuế, các quy định về luật quản lý thuế, đồng thời cập nhật, nắm bắt kịp thời những phần thay đổi của các bộ luật thuế sao cho phù hợp với các nước trong khu vực và trên thế giới, từ đó đáp ứng yêu cầu thực thi pháp luật thuế trong xã hội.

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thuế như: Bản chất, vai trò của thuế; phạm vi ảnh hưởng của thuế trong môi trường cạnh tranh và môi trường độc quyền; hệ thống thuế tại Việt Nam, phạm vi áp dụng và sự vận hành của chúng trong nền kinh tế. Sinh viên cũng được thực hành cách tính toán, kê khai các loại thuế cơ bản thông qua hệ thống bài tập dựa trên tình huống thực tế của các doanh nghiệp.

2.2.7.7. Học phần thuộc kiến thức bổ trợ: (24 tín chỉ)

a) Các học phần bắt buộc: (12 tín chỉ)

1. Kế toán quản trị (2022103)

Kế toán quản trị là một bộ phận của hệ thống thông tin quản trị. Thông tin của kế toán quản trị là những thông tin kinh tế, tài chính, mang tính định lượng, được cung cấp theo yêu cầu quản trị và trong nội bộ tổ chức, giúp các nhà quản trị dựa vào đó để hoạch định, kiểm soát hoạt động và ra quyết định kinh tế một cách nhanh chóng.

Với học phần này, sinh viên sẽ được nâng cao kỹ năng ra quyết định với việc áp dụng kế toán quản trị như: Chọn lọc và phân tích các dữ liệu cần thiết để ra quyết định phương án kinh doanh; đánh giá hiệu quả đầu tư ngắn hạn, dài hạn; Vận dụng các phương pháp tính giá thành sản; lập và trình bày dự toán ngân sách.

2. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2021222)

Với mục đích trang bị cho sinh viên kỹ năng nghiên cứu khoa học và vận dụng trong nghiên cứu kinh doanh, học phần này sẽ giúp sinh viên hiểu được bản chất của quá trình nghiên cứu, biết cách thiết lập quy trình nghiên cứu, vận dụng các phương pháp thu thập, xử lý và phân tích thông tin.

Học tốt học phần này, sinh viên có thể: xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng phương pháp nghiên cứu để giải quyết vấn đề, trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học; ứng dụng kiến thức trong quá trình viết khóa luận tốt nghiệp cũng như thực hiện tốt các hoạt động nghiên cứu trong chuyên môn nghề nghiệp sau này như: nghiên cứu thị trường, nghiên cứu hành vi khách hàng, nghiên cứu tác động của chính sách tài chính đối với doanh nghiệp.

3. Kinh tế lượng ứng dụng (2022303)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức về hồi quy trong dự báo và cách thức sử dụng các hàm, các phương pháp kiểm định, phân tích phương sai, cách khắc phục các sai phạm thông qua việc chọn mẫu, xử lý các biến đầu vào. Vận dụng những kiến thức có được từ môn học giúp xử lý được các mô hình phân tích hồi quy để giải các bài toán kinh tế, tài chính Về mặt kỹ năng, môn học giúp trang bị cho học sinh cách sử dụng các phần mềm sử dụng dữ liệu phổ biến như Excel, STATA, Eview, ... Kết thúc môn học, học viên được kỳ vọng sẽ nắm vững nội dung các mô hình kinh tế lượng được trình bày, có thể chọn lựa mô hình kinh tế lượng phù hợp với chủ đề nghiên cứu và sử dụng thành thạo phần mềm kinh tế lượng cho các mô hình này.

4. Khởi nghiệp (2022453)

Học phần Khởi nghiệp được xây dựng và bắt đầu triển khai từ khóa 2019 để đáp ứng chủ trương và chiến lược đào tạo cử nhân đại học có khả năng tự tạo việc làm, thực thi trách nhiệm với bản thân và xã hội. Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp sinh viên biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành

thành công một hoạt động kinh doanh. Học phần cũng trang bị những kỹ năng để sinh viên có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh, trong đó có môi trường pháp luật.

b) Các học phần tự chọn: (12 tín chỉ)

1. Quản lý Nhà nước về kiểm toán (2022613)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức pháp luật về công tác kiểm toán, vận dụng linh hoạt những quy định của pháp luật trong khi áp dụng làm công việc thực tế liên quan đến hoạt động kiểm toán, bao gồm cả hoạt động tổ chức, quản lý kinh doanh dịch vụ kiểm toán, xử lý vi phạm pháp luật về kiểm toán.

2. Mua bán & sáp nhập (2022353)

Mua bán và sáp nhập (M&A) là hoạt động được diễn ra phổ biến trong những năm gần đây của các doanh nghiệp thực hiện tái cấu trúc, chuyển đổi chiến lược hoạt động. Với học phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu các nguyên lý, và kỹ thuật sử dụng trong hoạt động sáp nhập, mua bán; các chiến lược sáp nhập; phương pháp xác định giá trị công ty trong mua bán, sáp nhập; đánh giá hiệu quả thương vụ M&A.

3. Trục quan hóa dữ liệu (2011123)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về trục quan hóa dữ liệu; Giúp sinh viên hiểu được những nguyên tắc chung của trục quan hóa dữ liệu trên phần mềm Power BI; Giúp sinh viên có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai. Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên có khả năng: Giải thích được chức năng của các công cụ cơ bản trong phần mềm Power BI; Diễn giải được những khái niệm liên quan đến trục quan hóa dữ liệu báo cáo.

4. Quản trị ngân hàng thương mại (2021142)

Học phần Quản trị ngân hàng thương mại được thiết kế theo hướng vận dụng tổng hợp kiến thức của các học phần khác có liên quan, bao gồm: Tài chính công ty, Nghiệp vụ ngân hàng, và Quản trị rủi ro tài chính. Hoàn tất học phần này, sinh viên sẽ có được những kiến thức quan trọng và chuyên sâu liên quan đến hoạt động quản trị ngân hàng thương mại như: Phân tích đánh giá năng lực ngân hàng thương mại theo mô hình của Việt Nam và Basel; Các giải pháp huy động vốn, tăng vốn và xác định chi

phí sử dụng vốn; Cách thức quản trị ngân quỹ của ngân hàng thương mại, quản trị danh mục tín dụng theo Basel...

5. Thanh toán quốc tế (2022243)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về giao dịch thương mại quốc tế. Sinh viên sẽ hiểu được vai trò của các chủ thể trong một giao dịch thương mại quốc tế, bản chất của các sản phẩm trên thị trường ngoại hối; mô tả được sự luân chuyển dòng vốn trong các phương thức tài trợ; đồng thời tích hợp được các công ước quốc tế, ưu đãi có liên quan vào hoạt động thanh toán và áp dụng vào quy trình xuất, nhập khẩu tại Việt Nam. Học phần cũng giúp sinh viên nhận thức được những rủi ro, sai phạm có thể xảy ra trong quá trình thanh toán quốc tế và đưa ra quyết định phù hợp.

6. Định giá tài sản (2022323)

Định giá là một lĩnh vực nghề nghiệp mới của sinh viên tốt nghiệp ngành tài chính- ngân hàng. Với học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức liên quan đến lĩnh vực định giá như: Các tiêu chuẩn và phương pháp định giá; Đánh giá các yếu tố có tác động lên giá tài sản; Tiêu chuẩn hành nghề thẩm định giá; Các nguyên tắc kinh tế cơ bản cần tuân thủ trong thẩm định giá. Từ đó, sinh viên có thể xây dựng định hướng học tập, nghiên cứu cho phù hợp mục tiêu nghề nghiệp và có thể theo đuổi nghề thẩm định giá, hoạt động nghề nghiệp một cách độc lập sau khi đáp ứng các điều kiện pháp lý.

7. Kế toán Excel (2011113)

Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản trong việc ứng dụng Excel vào kế toán; Giúp sinh viên hiểu và phân biệt được mối liên kết giữa chứng từ, sổ sách, báo cáo qua những hàm excel; Diễn giải được các mối liên hệ các bảng tính (Sheet) thông qua các hàm excel và kiến thức kế toán từ chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo.

8. Phần mềm kế toán (2022133)

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về hệ thống phần mềm kế toán, quy trình xử lý chung của phần mềm kế toán; giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường tiếp cận nhanh nhất và có thể sử dụng ngay được bất kỳ phần mềm kế toán nào sẵn có tại doanh nghiệp. Trang bị cho sinh viên các quy trình kinh doanh chính trong đơn vị kinh doanh; khai báo ban đầu trong phần mềm

ứng dụng trong kế toán, vận dụng cho các phân hành kế toán như kế toán thu – chi, kế toán phải thu – phải trả, kế toán hàng tồn kho, ... Vận dụng những kiến thức đã học khai báo các báo cáo có liên quan đến báo cáo kế toán.

2.2.7.8. Học phần thuộc kiến thức tốt nghiệp : (08 tín chỉ)

1. Thực tập tốt nghiệp (2021342)

Học phần thực tập tốt nghiệp được xây dựng để giúp sinh viên có những trải nghiệm về công việc chuyên môn trong môi trường thực tế của một tổ chức. Thông qua quá trình thực tập tại các doanh nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh, dưới sự hướng dẫn của giảng viên và của người quản lý tại đơn vị thực tập, sinh viên sẽ tích lũy được kinh nghiệm chuyên môn, hội nhập môi trường thực tế, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cũng như tác phong làm việc chuyên nghiệp.

2. Khóa luận tốt nghiệp (2021356)

Đây là học phần dành cho các sinh viên đáp ứng đủ điều kiện để làm khóa luận như sau:

- Tính đến thời điểm khoa xét để giao khóa luận tốt nghiệp, sinh viên không còn học phần bị điểm F hoặc F+, và có điểm trung bình chung tích lũy thỏa mãn điều kiện do Khoa quy định nhưng không thấp hơn 2,50.
- Sinh viên có nguyện vọng viết khóa luận tốt nghiệp.
- Sinh viên đã hoàn thành thực tập tốt nghiệp và báo cáo thực tập tốt nghiệp đạt chất lượng tốt (Có điểm từ 7/10 trở lên).

Trên cơ sở quá trình thực tập tại đơn vị đã hoàn tất, và báo cáo thực tập tốt nghiệp đạt chất lượng tốt, khóa luận tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên nâng cao khả năng vận dụng các kiến thức đã học để nghiên cứu, hoàn thành đề tài khoa học, và trình bày kết quả nghiên cứu. Khóa luận tốt nghiệp giúp cho sinh viên nâng cao khả năng tổ chức thực hiện được công tác kế toán, kiểm toán và thuế trong các đơn vị. Qua đó, biết vận dụng các nguyên tắc kế toán, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn, có thể nhận xét, đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kế toán, kiểm toán và thuế tại các doanh nghiệp.

3. Kế toán quốc tế (2022373)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về Kế toán Mỹ (US GAAP) cũng như kế toán quốc tế (IFRS); Giúp sinh viên hiểu được những nguyên tắc chung của Kế

toán Mỹ và kế toán quốc tế; Giúp sinh viên có thêm cơ hội nghề nghiệp trong tương lai. (1) Giải thích được chức năng của nghề kế toán tại Mỹ và trên thế giới; (2) Diễn giải được những khái niệm liên quan đến định khoản kế toán (nợ, có, tài sản, vốn chủ sở hữu) theo US GAAP và chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế; (3) Giải thích được những nguyên tắc cơ bản của kế toán Mỹ và kế toán quốc tế.

4. Kiểm toán hoạt động (2021363)

Học phần này trang bị cho sinh viên các kỹ năng và kiến thức chuyên sâu về kiểm toán hoạt động, bao gồm khái niệm, kỹ thuật và quy trình kiểm toán tính kinh tế, tính hữu hiệu và tính hiệu quả của các hoạt động, phục vụ cho triển khai kiểm toán hoạt động trong thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm toán nhà nước.

-----oOo-----